

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 01/2024/HC-GĐT

Ngày: 28/9/2024

Về “*Khiếu kiện các quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Với Hội đồng xét xử giám đốc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Lê Tự.

*Các Thẩm phán:* ông Vũ Thanh Liêm và ông Đặng Kim Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trương Quang Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về: “*Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, giữa:

1. Người khởi kiện: ông **Hồ Đà Hồ Thị T** cư trú tại: Nhà số A đường Q, khu phố D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện P;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Nguyễn Đức Á** bà **Huỳnh Thị H** cư trú tại: Nhà số A đường Q, khu phố D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Tại Đơn khởi kiện ngày 13/11/2012 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Hồ Đạ Hồ Thị T1 bày:

Thửa đất số 05, khoảnh 05 thuộc T 0,66 ha (sau đây viết tắt là thửa đất số 05) tọa lạc tại thị trấn P, huyện P có nguồn gốc là đất hoang do Ông, Bà cùng một số hộ dân khác như Nguyễn Văn M Nguyễn Văn D Văn N Nguyễn T Đình N Tiến T2 san ủi vào cuối năm 1993. Sau khi san ủi, Hợp tác xã N2 chia cho mỗi người 01 lô đất và Ông, Bà được chia lô đất trên. Ngày 14/9/1994, UBND huyện P có Quyết định số 410/QĐ-UB về việc giao thửa đất số 05 cho ông D trồng rừng theo Dự án PAM-4304, thời hạn sử dụng 50 năm. Sau khi được giao đất Ông, Bà cho vợ chồng ông Nguyễn Đức Á1 Huỳnh Thị H1 xen 07 hàng Bạch đàn (khoảng 14m chiều ngang). Năm 1999, sau khi khai thác xong bạch đàn, ông Á bà H2 thuê máy về đào gốc Bạch đàn, cải tạo đất và tiếp tục canh tác, sử dụng cho đến năm 2006 thì xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất với Ông, Bà.

Vợ chồng ông Á2 đơn khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu Ông, Bà trả ½ diện tích thửa đất trên. Ngày 22/3/2011, Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ xét xử sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Á Sau khi xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông Á3 đơn kháng cáo và tại Tòa án cấp phúc thẩm, vợ chồng ông Á4 đơn khởi kiện, rút đơn kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã ra quyết định huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Vợ chồng ông Á tiếp tục làm đơn gửi Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P khiếu nại về việc UBND huyện P giao đất cho vợ chồng Ông, Bà theo Quyết định số 410/QĐ-UB ngày 14/9/1994 của UBND huyện P và yêu cầu giao lại 1/2 diện tích đất trên. Ngày 09/10/2012, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 6961/QĐ-UBND chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Á Ngày 17/10/2012, UBND huyện P có Văn bản số 876/UBND-VP về việc trả lời đơn phản ánh của vợ chồng Ông, Bà. Ngày 24/11/2014, UBND huyện P ban hành Quyết định số 10103/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 410/QĐ-UB ngày 14/9/1994 của UBND huyện P

Nay, vợ chồng Ông, Bà yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 6961/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của Chủ tịch UBND huyện P (sau đây viết tắt là quyết định số 6961), Văn bản số 876/UBND-VP ngày 17/10/2012 (sau đây viết tắt là Văn bản số 876) và Quyết định số 10103/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND huyện P (sau đây viết tắt là quyết định 410).

- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:

Ngày 05/7/2011, Chủ tịch UBND huyện P nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức Á5 nại UBND huyện P về việc cấp đất trồng rừng theo Dự án PAM trồng lên diện tích đất rừng của ông Á6 thừa đất số 05.

Kết quả xác minh đối với đơn khiếu nại của ông Á7 thừa đất số 05 có nguồn gốc của chế độ cũ để lại. Năm 1993, ông Nguyễn T2 D2 ở thôn D, thị trấn P thuê máy ủi san ủi khu vực sân bay D trồng Bạch đàn. Sau khi san ủi xong, ông D2 phân lô chia cho những hộ ở thôn D cây gồm hộ Nguyễn T1 hộ Nguyễn Đình N hộ ông Hồ D và H3 ông Nguyễn Đức Á8 chung 01 lô đất có diện tích 0,66 ha để trồng rừng; ông D2 thu tiền san ủi mặt bằng mỗi hộ là 200.000 đồng. Cuối năm 1993, ông D2 nhận cây của dự án PAM phân chia cho những hộ nhận đất để trồng cây, trong đó có vợ chồng ông Á vợ chồng ông D Từ năm 1993- 1999, hộ ông D10 hộ ông Á9 trồng chung bạch đàn, cùng khai thác bán chia lợi nhuận mỗi hộ nhận 1/2 số tiền thu được. Từ năm 1999-2006, hộ ông D10 hộ ông Á10 nhất chia lô đất trên thành 02 phần bằng nhau, mỗi người một phần tự sản xuất, chăm sóc, bán hưởng lợi riêng. Phần đất ông Á sử dụng ở phía Nam, phần đất ông D sử dụng ở phía Bắc. Năm 1993, vợ chồng ông D10 vợ chồng ông Á3 đến Hợp tác xã kê khai xin được trồng rừng PAM trên diện tích 0,66 ha, Hợp tác xã biết ông D10 vợ chồng ông Á3 quan hệ bà con nên để cho một mình ông D1 tên. Tháng 9/1994, ông D2 diện đi kê khai đất theo Dự án PAM-4304 và UBND huyện P đã giao thừa đất trên cho ông D3 Quyết định số 410. Năm 2007, khi trồng lại cây thì hai bên phát sinh tranh chấp do UBND huyện P có quyết định thu hồi, bồi thường đối với một phần diện tích của thừa đất số 05 để mở rộng Cụm C.

Nhận thấy, Quyết định số 410 về việc giao thừa đất số 05 cho ông D4 bao trùm lên diện tích đất của vợ chồng ông Á11 UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 6961 chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Á Ngày 26/3/2012, UBND huyện P nhận được đơn phản ánh của ông D5 17/10/2012, UBND huyện P ban hành Văn bản số 876 trả lời đơn cho ông D Ngày 24/11/2014, UBND huyện P tiếp tục ban hành Quyết định số 10103 về việc thu hồi Quyết định số 410.

Quyết định số 6961, Văn bản số 876 và Quyết định số 10103 được ban hành đúng quy định pháp luật. Do đó, UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức Á1 Huỳnh Thị H4 bày:

Ông, Bà thông nhất như nội dung trình bày của UBND huyện P về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng và việc phân chia thừa đất số 05.

Năm 1999, vợ chồng Ông, B và vợ chồng ông D thỏa thuận phân chia mỗi bên

sử dụng 1/2 diện tích thửa đất nêu trên, vợ chồng Ông, Bà sử dụng phần đất phía Nam và vợ chồng ông D sử dụng phần đất phía Bắc. Cuối năm 2006, vợ chồng Ông, Bà trồng keo thì vợ chồng ông D7 cản, hai bên xảy ra tranh chấp.

Ngày 08/7/2009, UBND huyện P ban hành Quyết định số 3820/QĐ-UBND về việc thu hồi 940 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 05 để mở rộng Cụm Cv và vợ chồng ông D8 ý nhận tiền bồi thường. Khi xảy ra tranh chấp, vợ chồng Ông, B mới biết ông D8 kê khai đất và UBND huyện P đã giao thửa đất trên cho ông D3 Quyết định số 410, trong đó bao trùm lên diện tích đất mà vợ chồng Ông, Bà sử dụng nên Ông, Bà làm đơn khiếu nại đến **UBND huyện P**

Tại Quyết định số 6961, Chủ tịch UBND huyện P chấp nhận yêu cầu khiếu nại của Ông, Bà. Ngày 24/11/2014, UBND huyện P ban hành Quyết định số 10103 về việc thu hồi Quyết định số 410. Do đó, vợ chồng Ông, Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D9 việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính nêu trên.

Đối với phần diện tích đất UBND huyện P đã thu hồi để mở rộng cụm công nghiệp Diêm Tiêu, hộ ông D4 nhận tiền bồi thường xong; vợ chồng Ông, B không có yêu cầu gì.

**- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 27/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định quyết định:**

Căn cứ khoản 1, Điều 3; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29 điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010. Khoản 1 Điều 3; Điều 30; Điều 31; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Luật về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.

Căn cứ Điều 21 Luật đất đai 1993; khoản 3 Điều 106 Luật đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định giải quyết khiếu nại hành chính.

Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tố tụng hành chính; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Hồ D9** việc hủy Công văn số 876/UBND-VP ngày 17/10/2012 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện P;

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Hồ D10** bà **Hồ Thị T5** yêu cầu hủy: Quyết định số 6961/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông **Nguyễn Đức Á** Quyết định số 10103/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND huyện P về việc thu hồi quyết định số 410/QĐ-UB ngày 14/9/1994 của Ủy ban nhân dân huyện P;

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 05/01/2024, ông **Hồ D** bà **Hồ Thị T3** đơn kháng cáo bản án sơ thẩm; đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà.

**- Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2024/HC-PT ngày 25/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:**

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; căn cứ Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; căn cứ quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Hồ D10** bà **Hồ Thị T4** bản án sơ thẩm;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Hồ D10** bà **Hồ Thị T6**

3. Hủy Quyết định số 6961/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định; hủy Văn bản số 876/UBND-VP ngày 17/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định và hủy Quyết định số 10103/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí.

- Ngày 12/6/2024, người bị kiện là UBND huyện P có Văn bản số 1133/UBND-TNMT đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

- Ngày 25/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức Á12 và bà Huỳnh Thị H5

- Ngày 13/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được Thông báo số 1196/TB-VKS-HC ngày 08/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án hành chính phúc thẩm nêu trên, theo hướng hủy bản án hành chính phúc thẩm, giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 71/QĐ-VKS-HC ngày 16/9/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2024/HC-PT ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định hành chính số 6961/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức Á Quyết định hành chính số 10103/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND huyện P về việc thu hồi Quyết định số 410/QĐ-UB ngày 14/9/1994 của Ủy ban nhân dân huyện P, thì thấy:

Ngày 04/7/2011, ông Nguyễn Đức Á13 đơn khiếu nại đến UBND huyện P đối với Quyết định số 410/QĐ-UB ngày 14/9/1994 của UBND huyện P về việc giao thửa đất số 05 cho ông Hồ Dương .Sau khi nhận đơn khiếu nại, UBND huyện P lập Đoàn xác minh liên ngành để xác minh đơn khiếu nại của ông Á. Ngày 09/10/2012, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 6961/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Á Trên cơ sở Quyết định số 6961/QĐ-UBND, ngày 24/11/2014 UBND huyện P ban hành Quyết định số 10103/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 410/QĐ-UB ngày 14/9/1994 của Ủy ban nhân dân huyện P

Như vậy, đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai bị khiếu nại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 162 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Quyết định số 410/QĐ-UB ngày 14/9/1994 do UBND huyện P ban hành nên căn cứ khoản 1 Điều 18 của Luật Khiếu nại năm 2011 thì Chủ tịch UBND huyện P có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 163 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và Điều 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011. Vì vậy, Quyết định số 6961/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của Chủ tịch UBND huyện P được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 136 của Luật Đất đai năm 2003 quy định thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai để cho rằng tranh chấp giữa vợ chồng ông D11 vợ chồng ông Á14 với thửa đất số 05 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân nên Quyết định số 6961/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P được ban hành không đúng quy định về thẩm quyền, dẫn đến Quyết định hành chính số 10103/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND huyện P về việc thu hồi Quyết định số 410/QĐ-UB ngày 14/9/1994 của Ủy ban nhân dân huyện P cũng được ban hành không đúng quy định, nên thuộc trường hợp phải hủy quyết định. Từ đó quyết định sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của hộ ông D, hủy Quyết định số 6961 và Quyết định số 10103 là áp dụng không đúng pháp luật; bởi vì như đã phân tích ở trên, trường hợp của ông Á15 khiếu nại quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện P nên được giải quyết theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền về giải quyết khiếu nại quy định tại Luật Khiếu nại năm 2011.

[2]. Xét tính hợp pháp về nội dung của các quyết định hành chính nêu trên, thì thấy:

Các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thể hiện: tháng 7/1993, ông Nguyễn T2 D2 thuê xe ủi san ủi khu vực sân bay D đó chia lại cho các hộ dân trồng rừng. Hộ ông D10 hộ ông Á8 sử dụng chung một thửa đất rừng tại lô 5, khoảnh 5, T 0,66 ha do cùng nộp chung tiền công thuê san ủi đất (mỗi hộ 200.000 đồng nộp cho ông D12 khi nhận đất, hộ ông D10 hộ ông Á9 trồng Bạch đàn, chăm sóc và bán hưởng lợi chung (mỗi hộ sở hữu ½ số tiền bán cây Bạch đàn). Sự việc trên được những người làm chứng là các ông Nguyễn Tiến D13 (người trực tiếp chia đất), các ông bà N3 K Nguyễn Ngọc T4 (bút lục 43-54, bút lục 135-139) xác nhận. Đến tháng 9/1994, ông D2 diện kê khai chương trình PAM và được UBND huyện P giao thửa đất tại lô Ekhoảnh 5, T 0,66 ha cho ông D3 Quyết định số 410. Năm 1999, ông D10 ông Á16 thửa đất làm 2 phần (ông Dphía B1, ông Áphía N1), mỗi người tự trồng cây Bạch đàn trên phần đất của mình, chăm sóc và bán hưởng lợi riêng (ông

D14 được 15.000.000 đồng, ông Á17 được 13.000.000 đồng); đầu năm 2007, sau khi bán cây Bạch đàn xong, ông D15 cây keo trồng trên đất đã chia cho ông Á18 đó xảy ra tranh chấp.

Như vậy, căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, có cơ sở xác định thửa đất số 05 có một phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông Á1 Hông Dự ý kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện P giao toàn bộ diện tích thửa đất nêu trên theo Quyết định số 410 cho ông D2 sử dụng là không đúng; ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Á1 HDo đó sau khi bị khiếu nại, ngày 09/10/2012, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6961/QĐ-UBND với nội dung công nhận nội dung đơn của ông Á1 H. Đồng thời, ngày 24/11/2014 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 10103/QĐ-UBND về việc thu hồi quyết định số 410/QĐ-UB ngày 14/9/1994 của UBND huyện P về việc giao diện tích đất trên cho ông Hồ D16 đúng về trình tự, thủ tục và nội dung giải quyết đúng quy định pháp luật

[3]. Đối với quyết định về việc đình chỉ xét xử yêu cầu hủy Văn bản số 876/UBND ngày 17/10/2012 của UBND huyện P, thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là công văn trả lời đơn phản ánh của ông Hồ D17 phải là quyết định hành chính, từ đó đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông D18 với văn bản này là không đúng. Bởi vì, Văn bản số 876 chứa đựng nội dung làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên đây là quyết định hành chính bị kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Tuy nhiên, xét thấy Văn bản số 876 được ban hành có nội dung phù hợp với nội dung của Quyết định số 6961 như đã phân tích ở trên. Vì vậy, việc hủy bản án sơ thẩm để xem xét lại tính hợp pháp của Văn bản này là không cần thiết, kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

[4]. Như vậy, Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử bác các yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Dbà Hồ Thị T5 việc hủy các Quyết định số 6961 và Quyết định số 10103 là có căn cứ, đúng pháp luật. Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2024/HC-PT ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Dbà Hồ Thị T6 là không đúng pháp luật; gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[5] Do đó, Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 71/QĐ-VKS-HC ngày 16/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**



Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 266; Điều 271; khoản 2 Điều 272; Điều 273 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 71/QĐ-VKS-HC ngày 16/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2024/HC-PT ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT III – Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu các Phòng: GDKT I; HC-TP; Lưu trữ và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**đã ký**

**Lê Tự**